



Phụ lục III

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT
TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CẤP XÃ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam)

A. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

STT	MÃ SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	GHI CHÚ
I	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN VÀ CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC		
1	1004441.000.00.00.H47	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	
2	1004492.000.00.00.H47	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	
3	1004443.000.00.00.H47	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	
4	1004485.000.00.00.H47	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	
5	2001810.000.00.00.H47	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	

B. LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI

STT	MÃ SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	GHI CHÚ
I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA		
1	1.004088.000.00.00.H47	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	
2	1.004047.000.00.00.H47	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	
3	1.004036.000.00.00.H47	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	
4	2.001711.000.00.00.H47	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	
5	1.004002.000.00.00.H47	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	
6	1.003970.000.00.00.H47	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	
7	1.003930.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	
8	2.001659.000.00.00.H47	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	

C. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

STT	MÃ SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	GHI CHÚ
I	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG (1)		
1	1.010833.000.00.00.H47	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	
II	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI (8)		
2	1.001699.000.00.00.H47	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	
3	1.001653.000.00.00.H47	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	
4	2.000751.000.00.00.H47	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	
5	2.000355.000.00.00.H47	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	
6	1.011606.000.00.00.H47	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	
7	1.011607000.00.00.H47	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	
8	1.011608000.00.00.H47	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	

STT	MÃ SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	GHI CHÚ
9	1.011609000.00.00.H47	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	
III	LĨNH VỰC TRẺ EM (4)		
10	2.001947.000.00.00.H47	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	
11	1.004941.000.00.00.H47	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	
12	2.001944.000.00.00.H47	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	
13	2.001942.000.00.00.H47	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	
IV	LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI (2)		
14	1.010941.000.00.00.H47	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	
15	1.000132.000.00.00.H47	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	

D. LĨNH VỰC NỘI VỤ

STT	MÃ SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	GHI CHÚ
I	LĨNH VỰC THI ĐUA - KHEN THƯỞNG (05)		
1	1.012373.H47	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho cá nhân, tập thể theo công trạng	
2	1.012374.H47	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo chuyên đề	
3	1.012376.H47	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất	
4	1.012378.H47	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	
5	1.012379.H47	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	
II	LĨNH VỰC QLNN VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO (10)		
6	2.000509.000.00.00.H47	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng	
7	1.001028.000.00.00.H47	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	

STT	MÃ SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	GHI CHÚ
8	Chưa có mã trên hệ thống Cổng dịch vụ Quốc gia	Đăng ký hoạt động tôn giáo tập trung	
9	1.001078.000.00.00.H47	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	
10	Chưa có mã trên hệ thống Cổng dịch vụ Quốc gia	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với hoạt động tôn giáo ở một xã	
11	1.001090.000.00.00.H47	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	
12	1.001098.000.00.00.H47	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	
13	1.001109.000.00.00.H47	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	
14	1.001156.000.00.00.H47	Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	
15	1.001167.000.00.00.H47	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	

E. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

STT	MÃ SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	GHI CHÚ
I	LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG		
1	1.008838.000.00.00.H47	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	
II	LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI		
2	1.010091.000.00.00.H47	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	
3	1.010092.000.00.00.H47	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	
4	2.002161.000.00.00.H47	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	
5	2.002162.000.00.00.H47	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	

STT	MÃ SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	GHI CHÚ
6	2.002163.000.00.00.H47	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	
III	LĨNH VỰC THỦY LỢI		
7	1.003440.000.00.00.H47	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	
8	1.003446.000.00.00.H47	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	
9	2.001621.000.00.00.H47	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	
IV	LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT		
10	1.008004.000.00.00.H47	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	

F. LĨNH VỰC TƯ PHÁP

STT	MÃ SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	GHI CHÚ
I	LĨNH VỰC HỘ TỊCH (21)		
1	1.001193.000.00.00.H47	Đăng ký khai sinh	
2	1.000894.000.00.00.H47	Đăng ký kết hôn	
3	1.001022.000.00.00.H47	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	
4	2.000635.000.00.00.H47	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	
5	1.004873.000.00.00.H47	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	
6	1.000689.000.00.00.H47	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	
7	1.000656.000.00.00.H47	Đăng ký khai tử	
8	1.000110.000.00.00.H47	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	
9	1.000094.000.00.00.H47	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	

STT	MÃ SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	GHI CHÚ
10	1.000080.000.00.00.H47	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	
11	1.004827.000.00.00.H47	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	
12	1.004837.000.00.00.H47	Đăng ký giám hộ	
13	1.004845.000.00.00.H47	Đăng ký chấm dứt giám hộ	
14	1.004859.000.00.00.H47	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	
15	1.004884.000.00.00.H47	Đăng ký lại khai sinh	
16	1.004746.000.00.00.H47	Đăng ký lại kết hôn	
17	1.004772.000.00.00.H47	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	
18	1.005461.000.00.00.H47	Đăng ký lại khai tử	
19	1.003583.000.00.00.H47	Đăng ký khai sinh lưu động	
20	1.000593.000.00.00.H47	Đăng ký kết hôn lưu động	
21	1.000419.000.00.00.H47	Đăng ký khai tử lưu động	

STT	MÃ SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	GHI CHÚ
II	LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (10)		
22	2.000908.000.00.00.H47	Cấp bản sao từ sổ gốc	
23	2.000942.000.00.00.H47	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	
24	2.000815.000.00.00.H47	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	
25	2.000884.000.00.00.H47	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	
26	2.001035.000.00.00.H47	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	
27	2.001019.000.00.00.H47	Chứng thực di chúc	
28	2.001016.000.00.00.H47	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	

STT	MÃ SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	GHI CHÚ
29	2.001406.000.00.00.H47	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
30	2.001009.000.00.00.H47	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
31	2.000913.000.00.00.H47	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	
32	2.000927.000.00.00.H47	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	
III	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (3)		
33	2.001263.000.00.00.H47	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	
34	1.003005.000.00.00.H47	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	
35	2.001255.000.00.00.H47	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	
IV	LĨNH VỰC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (2)		
36	2.001457.000.00.00.H47	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	

STT	MÃ SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	GHI CHÚ
37	2.001449.000.00.00.H47	Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	
V	LĨNH VỰC HÒA GIẢI CƠ SỞ (4)		
38	2.000373.000.00.00.H47	Thủ tục công nhận hòa giải viên	
39	2.000333.000.00.00.H47	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	
40	2.000350.000.00.00.H47	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	
41	2.002080.000.00.00.H47	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	
VI	LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC (1)		
42	2.002165.000.00.00.H47	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	

G. LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

STT	MÃ SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	GHI CHÚ
1	1008901.000.00.00.H47	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	
2	1008902.000.00.00.H47	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	
3	1008903.000.00.00.H47	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	
4	1003622.000.00.00.H47	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	
5	2000794.000.00.00.H47	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	
6	1.012084.H47	Cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	
7	1.012085.H47	Hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc	

H. LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG

STT	MÃ SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	GHI CHÚ
I	LĨNH VỰC AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN		
1	2.000184.000.00.00.H47	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	
2	2.000206.000.00.00.H47	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	
II	LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG		
3	2.002620.H47	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	

I. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH

STT	MÃ SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	GHI CHÚ
I	LĨNH VỰC THUẾ		
1	1.008603.000.00.00.H47	Kê khai, thẩm định Tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.	

J. LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

STT	MÃ SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	GHI CHÚ
I	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC		
1	2.002226.000.00.00.H47	Thông báo thành lập tổ hợp tác	
2	2.002227.000.00.00.H47	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	
3	2.002228.000.00.00.H47	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	

K. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

STT	MÃ SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	GHI CHÚ
I	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI (01)		
1	1.003554.000.00.00.H47	Hòa giải tranh chấp đất đai (cấp xã)	
II	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG (01)		
2	2.010736.000.00.00.H47	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	

TỔNG CỘNG: 110 TTHC

